

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGỮ DỤNG HỌC**

Số tín chỉ : 2

Hệ đào tạo : Đại học

Ngành : Ngôn ngữ Anh

Năm 2016

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

1. Tên học phần: Ngữ dụng học

2. Mã học phần: NNA 315

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên đại học năm thứ 3

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành các học phần Nghe 5, Nói 5, Đọc 5, Viết 5

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	luongnn78@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182332	huongtrakhankhung@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	trang.phamhuyen88@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Ngữ dụng học gồm 9 bài học, 2 bài ôn tập trang bị cho sinh viên các phạm trù nghiên cứu sâu về từ vựng, phát ngôn, ngữ cảnh...trong giao tiếp tiếng Anh. Luyện các kỹ năng nói, viết uyển chuyển, linh hoạt, có nội dung sâu sắc, học thuật: hàm ngôn, giả định, tiền giả định, chiến lược giao tiếp lịch sự...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ giao tiếp tương đối khá. Có khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, phong phú, tiếp cận cách giao tiếp của người bản ngữ; bước đầu hình thành các hướng nghiên cứu sâu hơn về ngôn ngữ cho sinh viên.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu:

Mục tiêu học phần thỏa mãn chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu các khái niệm về ngữ nghĩa, trường	3	[2.1.3]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	nghĩa, phép tu từ, mệnh đề, câu, phát ngôn, các kiểu câu.		[2.1.4]
MT1.2	- Trình bày được đặc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm. - Hiểu về các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. - Diễn đạt các khái niệm về mệnh đề, phát ngôn, câu và các kiểu câu, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ.	3	[2.1.3] [2.1.4]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích đặc điểm ngữ nghĩa trong từ: trường nghĩa, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm	4	[2.2.2]
MT2.2	So sánh các đặc tính của lời nói. Sử dụng các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm trong diễn đạt ngôn ngữ bằng tiếng Anh.	4	[2.2.2]
MT2.3	Viết được mệnh đề, phát ngôn và câu sử dụng phép kép theo, bao hàm, câu phỏng nghĩa, hàm ngôn, tiền giả định.	4	[2.2.2]
MT3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.3]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Có khả năng hiểu, nhận biết và phân tích được đặc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm.	3	[2.1.3] [2.1.4]
CDR1.2	Trình bày được các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. Sử dụng được các phép tu từ luyện tập các bài tập theo nội dung bài học.	3	[2.1.3] [2.1.4]
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Có khả năng thực hiện giao tiếp sử dụng từ, phép tu từ, sử dụng mệnh đề, phát ngôn và câu sử dụng phép kép theo, bao hàm, câu phỏng nghĩa phù hợp với từng tình huống.	4	[2.2.2]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	4	[2.2.2]
CDR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.3]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR

		1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3
1	Unit 1: Definitions and background 1.1. Definition 1.2. Syntax, semantics, and pragmatics 1.3. Regularity 1.4. The pragmatics wastebasket	X	X	X	X	X	X	X
2	Unit 2: Deixis and distance 2.1. Person deixis 2.2. Spatial deixis 2.3. Temporal deixis 2.4. Deixis and grammar	X	X	X	X	X	X	X
3	Unit 3: Reference and inference 3.1 Referential and attributive users 3.2 Names and referents 3.3 The role of co-text 3.4 Anaphoric reference	X	X	X	X	X	X	X
4	Unit 4: Presupposition and entailment 4.1 Presupposition 4.2 Types of presupposition 4.3 The projection problem 4.4 Ordered entailments	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 5: Cooperation and implicature 5.1 The cooperative principle 5.2 Hedges 5.3 Conversational implicature 5.4 Generalized conversational implicatures 5.5 Conversational implicatures	X	X	X	X	X	X	X
6	Unit 6: Speech acts and events 6.1 Speech acts 6.2 IFIDs 6.3 Felicity conditions 6.4 Performative hypothesis 6.5 Speech acts classification 6.6 Direct and indirect speech acts 6.7 Speech events	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 7: Politeness and interaction 7.1 Politeness 7.2 Fact wants	X	X	X	X	X	X	X

	7.3 Negative and positive face 7.4 Self and other: say nothing 7.5 Say something: off and on record 7.6 Positive and negative politeness 7.7 Strategies 7.8 Pre-sequences							
8	Unit 8: Conversation and preference structure 8.1 Conversation analysis 8.2 Pauses, overlaps, and backchannels 8.3 Conversational style 8.4 Adjacency pairs 8.5. Preference structure	X	X	X	X	X	X	X
9	Unit 9: Discourse and culture 9.1. Discourse analysis 9.2 Coherence 9.3 Background knowledge 9.4 Cultural schemata 9.5 Cross-cultural pragmatics	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CDR1	Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	- Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần - Hoàn thành các bài tập,	10% 10%	

		bài thuyết trình được giao		
2	Kiểm tra giữa học phần	Hình thức kiểm tra: Tự luận Thời gian: 50 phút	30%	
3	Kiểm tra kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm đánh giá về công tác chuẩn bị, nội dung và thuyết trình tại lớp theo những nội dung được phân công.

- Kiểm tra giữa học phần thực hiện vào tuần số 8. Hình thức kiểm tra: Tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 6 câu hỏi: Nêu nội dung về lý thuyết liên quan đến các khái niệm, ví dụ về ngữ nghĩa, từ, câu, các bài tập vận dụng lý thuyết để phân tích từ, câu.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và hình thức thi: Tự luận. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trên giấy thi theo quy định của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần đảm bảo kiến thức của toàn học phần, gồm 6 câu hỏi Nêu nội dung về lý thuyết liên quan đến các khái niệm, ví dụ về ngữ nghĩa, từ, câu, các bài tập vận dụng lý thuyết để phân tích từ, câu.

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các khái niệm về ngữ nghĩa, vận dụng để phân tích, so sánh về ngữ nghĩa trong từ, câu, phát ngôn và văn bản. Giảng viên cũng trình bày phân tích và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành, giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện. Giảng viên giao nội dung chuẩn bị

thuyết trình cho sinh viên theo nhóm/ cá nhân, sinh viên thuyết trình nội dung theo phân công, giảng viên sửa lỗi. Đối với sinh viên cần chủ động, tích cực, nắm bắt kiến thức, vận dụng tình huống giao tiếp khi luyện tập.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về nội dung liên quan đến từng bài học khi giảng viên yêu cầu

- Yêu cầu về làm bài tập, tự học: Làm đầy đủ các bài tập được giao, thực hiện thiết kế power point để thuyết trình nội dung chuẩn bị trước khi đến lớp theo yêu cầu từng phần của giảng viên, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu học tập:

* **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. *Giáo trình Ngữ dụng học* - Trường ĐH Sao Đỏ

* **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Yule, G. (1996). *Pragmatics*. Oxford: OUP

[3]. LoCastro, V. (2003). *An introduction to Pragmatics*. (2nd ed.). USA: University of Michigan.

[4]. Peccei, J.S. (1999). *Pragmatics*. London. Routledge.

15. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	Unit 1: Definitions and background 1.1. Definition 1.2. Syntax, semantics, and pragmatics 1.3. Regularity 1.4. The pragmatics wastebasket	2	[1] [2]	- Đọc trước, tra từ điển các thuật ngữ tr.1-5 [1] - Làm bài tập từ vựng.[2]
2	Unit 2: Deixis and distance 2.1. Person deixis	2	[1] [3]	- Tra từ điển từ vựng tài liệu [1] tr.6-12

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	2.2. Spatial deixis 2.3. Temporal deixis 2.4. Deixis and grammar			- Tìm hiểu các hậu tố cấu tạo từ (mục 4 tr.11) - Hoàn thành BT tr.11-12 [3]
3	Unit 3: Reference and inference 3.1 Referential and attributive users 3.2 Names and referents 3.3 The role of co-text 3.4 Anaphoric reference	2	[1] [2]	- Hệ thống lại nội dung khái quát (tr.13) [1] - Đọc và hoàn thành các bài tập tr.20 tài liệu [2]
4	Unit 4: Presupposition and entailment 4.1 Presupposition 4.2 Types of presupposition 4.3 The projection problem 4.4 Ordered entailments	2	[1] [2]	- Hoàn thành BT mục 2 tr. 27, mục 3 tr.28, mục 4 tr. 29 [2] - Đọc tài liệu tr.21-29 [1]
5	Unit 5: Cooperation and implicature 5.1 The cooperative principle 5.2 Hedges 5.3 Conversational implicature 5.4 Generalized conversational implicatures 5.5 Conversational implicatures 5.6. Properties of conversational implicatures 5.7. Conventional implicatures	2	[1]	- Đọc và tra từ vựng tr.39-40 [1]
6	Unit 6: Speech acts and events 6.1 Speech acts 6.2 IFIDs 6.3 Felicity conditions 6.4 Performative hypothesis	2	[1] [2]	- Tra từ điển nội dung bài tr.41-49 [1] - Hoàn thành BT mục 1 tr. 43 tài liệu [2]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
7	Unit 6: Speech acts and events (continued) 6.5 Speech acts classification 6.6 Direct and indirect speech acts 6.7 Speech events	2	[1] [2] [3]	- Tra từ điển tr. 55.56 tài liệu [1] - Hoàn thành bài tập phần BT [3] - Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu [2]
8	Mid-tern test	2		Thi giữa kỳ
9	Unit 7: Politeness and interaction 7.1 Politeness 7.2 Fact wants 7.3 Negative and positive face 7.4 Self and other: say nothing	2	[1] [2] [3]	- Tra từ điển mục 4 tr. 54 [1] - Hoàn thành BT tr. 55 phần BT tài liệu [2] - Đọc mục 7b.c trang 54 tài liệu [3]
10	Unit 7: Politeness and interaction (continued) 7.5 Say something: off and on record 7.6 Positive and negative politeness 7.7 Strategies 7.8 Pre-sequences	2	[1] [3]	- Chuẩn bị dàn ý thuyết trình [1] - Hoàn thành BT tr. 55 phần BT, đọc bài và làm bài tập [3]
11	Unit 8: Conversation and preference structure 8.1 Conversation analysis 8.2 Pauses, overlaps, and backchannels	2	[1] [3]	- Tra từ điển mục 2 tr.59 [1] - Đọc bài và làm bài tập mục 2 trang 63 [3]
12	Unit 8: Conversation and preference structure (continued) 8.3 Conversational style 8.4 Adjacency pairs 8.5. Preference structure	2	[1]	- Tra từ vựng phần 3 tr.65, phân biệt các sử dụng các yếu tố ngôn ngữ khác nhau [1]
13	Unit 9: Discourse and culture 9.1. Discourse analysis 9.2 Coherence 9.3 Background knowledge	2	[1] [3]	- Đọc, tra từ điển mục 1, 2 tr. 69 [1] - Hoàn thành BT tr. 65 phần BT tài liệu [3]
14	Unit 9: Discourse and culture (continued)	2	[1]	- Đọc, tra từ điển tr. 73 [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	9.4 Cultural schemata 9.5 Cross-cultural pragmatics			
15	General review	2	[1] [2] [3]	-Hệ thống lại các kiến thức đã học. - Trả lời các câu hỏi ôn tập.
16	Ôn tập thi kết thúc học phần			Ôn tập theo đề cương tóm tắt học phần

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phi Đăng Tuệ

Hoàng Đức Đoàn

Trịnh Thị Chuyên